

(Mẫu này dành cho tổ chuyên môn)

SỞ GD&ĐT QUẢNG NAM/PHÒNG GD&ĐT NÚI THÀNH TRƯỜNG THCS LÝ THƯỜNG KIỆT TỔ: TOÁN TIN	KẾ HOẠCH GIÁO DỤC MÔN HỌC - NĂM HỌC 2023-2024 MÔN: TOÁN Khối : 9
---	---

I. Thông tin:

Tổ trưởng: NGÔ CÔNG TÊ

II. Kế hoạch bài dạy:

ĐẠI SỐ: 70 tiết

Đại số học kỳ I (36 tiết)

Tuần	Tiết	Tên bài	Yêu cầu cần đạt	Thiết bị dạy học	Hình thức, địa điểm
1	1	§1. Căn bậc hai	<ul style="list-style-type: none"> Nhận biết được khái niệm về căn bậc hai của số thực không âm. Thực hiện được một số phép tính đơn giản về căn bậc hai của số thực không âm (căn bậc hai của một bình phương, căn bậc hai của một tích, căn bậc hai của một thương). 	Bảng phụ, êke, máy tính	Phòng học
	2	§2 Căn bậc hai và hằng đẳng thức $\sqrt{A} = A $	<ul style="list-style-type: none"> Nhận biết được khái niệm về căn thức bậc hai của một biểu thức đại số. Biết cách tìm tập xác định (điều kiện có nghĩa của \sqrt{A}). Hiểu và vận dụng được hằng đẳng thức $\sqrt{A^2} = A$ khi tính căn bậc hai của một số hoặc một biểu thức là bình phương của một số hoặc bình phương của một biểu thức khác. 		
2	3	Luyện tập	- Vận dụng hằng đẳng thức $\sqrt{A^2} = A $ để rút gọn biểu thức. HS được luyện tập về phép khai phương để tính giá trị của biểu thức số, phân tích đa thức thành nhân tử, giải	Bảng phụ, êke, máy tính, phiếu học tập	Phòng học

			phương trình.		
	4	§3. Liên hệ giữa phép nhân và phép khai phương.	<p>Hiểu được đẳng thức $\sqrt{a.b} = \sqrt{a}.\sqrt{b}$. Biế t hai quy tắc khai phương một tích và nhân các căn bậc hai.</p> <p>-Có kỹ năng dùng các quy tắc, khai phương một tích, nhân các căn thức bậc hai trong tính toán và biến đổi biểu thức</p>		
3	5	Luyện tập	<p>Vận dụng các quy tắc khai phương một tích và nhân các căn thức bậc hai trong tính toán và biến đổi biểu thức.</p> <p>-Rèn luyện tư duy, tính nhẩm, tính nhanh vận dụng làm các bài tập chứng minh, rút gọn, tìm x, so sánh hai biểu thức.</p>	Bảng phụ, máy tính. Thước	Phòng học
	6	§4. Liên hệ giữa phép chia và phép khai phương.	<p>Hiểu được đẳng thức $\sqrt{\frac{a}{b}} = \frac{\sqrt{a}}{\sqrt{b}}$. Biế t hai quy tắc khai phương một thương và chia hai căn bậc hai.</p> <p>- Dùng các quy tắc khai phương một thương và quy tắc chia các căn thức bậc hai trong tính toán và biến đổi biểu thức</p>		
4	7	Luyện tập	<p>Vận dụng các quy tắc khai phương một thương và chia hai căn thức bậc hai trong tính toán và biến đổi biểu thức.</p>	Bảng phụ, máy tính. Thước	Phòng học
	8	Hướng dẫn và thực hành sử dụng máy tính bỏ túi CASIO	<p>–Tính được giá trị (đúng hoặc gần đúng) căn bậc hai, căn bậc ba của một số hữu tỉ bằng máy tính cầm tay.</p>		

5	9, 10	Chủ đề: Biến đổi đơn giản biểu thức chứa căn thức bậc hai (ghép §6§7 và Luyện tập).	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện được một số phép tính đơn giản về đưa thừa số ra ngoài dấu căn bậc hai, đưa thừa số vào trong dấu căn bậc hai Thực hiện được một số phép biến đổi đơn giản về căn thức bậc hai của biểu thức đại số (căn thức bậc hai của một bình phương, căn thức bậc hai của một tích, căn thức bậc hai của một thương, trục căn thức ở mẫu). 	Bảng phụ, phiếu học tập, Máy tính bỏ túi. Thước	Phòng học
	11, 12	Chủ đề: Biến đổi đơn giản biểu thức chứa căn thức bậc hai (tt)	<ul style="list-style-type: none"> Có kỹ năng thành thạo trong việc phối hợp và sử dụng các phép biến đổi trên. Rèn kỹ năng làm bài kiểm tra. 	Bảng phụ, phiếu học tập Máy tính bỏ túi. Thước	Phòng học
7	13	§8. Rút gọn biểu thức chứa căn thức bậc hai.	<p>HS thực hiện được các phép tính và các phép biến đổi về căn bậc hai: khai phương một tích, và nhân các căn bậc hai, khai phương một thương và chia các căn bậc hai, đưa thừa số vào trong (ra ngoài) dấu căn. HS biết biến đổi biểu thức chứa căn thức bậc hai để giải các bài toán liên quan.</p> <ul style="list-style-type: none"> Có kỹ năng thành thạo trong việc phối hợp và sử dụng các phép biến đổi trên 	Bảng phụ, máy tính. Thước	Phòng học
	14	Luyện tập	<p>Biết rút gọn biểu thức chứa căn bậc hai trong một số trường hợp đơn giản. Chứng minh được đẳng thức</p> <ul style="list-style-type: none"> HS biết biến đổi biểu thức chứa căn thức bậc hai để giải các bài toán liên quan. 		
8	15	§9. Căn bậc ba	Nhận biết được khái niệm căn bậc ba của một số thực và căn thức bậc ba của một biểu thức đại số.	Bảng phụ, máy tính. Thước Máy chiếu, phiếu học tập	Phòng học Phòng học
	16	Ôn tập chương 1	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện được một số phép biến đổi đơn giản về căn thức bậc hai của 		

			<p>biểu thức đại số (căn thức bậc hai của một bình phương, căn thức bậc hai của một tích, căn thức bậc hai của một thương, trục căn thức ở mẫu).</p> <p>* Kiến thức: Biết điều kiện để \sqrt{A} xác định là $A \geq 0$, từ đó suy ra điều kiện của biến trong biểu thức A</p> <p>- Hiểu được đẳng thức $\sqrt{a.b} = \sqrt{a}.\sqrt{b}$ chỉ đúng khi a và b không âm; đẳng thức $\sqrt{\frac{a}{b}} = \frac{\sqrt{a}}{\sqrt{b}}$ chỉ đúng khi a không âm và b dương.</p> <p>- Biết khử mẫu của biểu thức lấy căn trong trường hợp đơn giản. Biết rút gọn biểu thức chứa căn bậc hai trong trường hợp đơn giản.</p> <p>* Kỹ năng:</p> <p>Thực hiện được các phép tính về căn bậc hai: khai phương một tích, và nhân các căn bậc hai, khai phương một thương và chia các căn bậc hai, đưa thừa số vào trong (ra ngoài) dấu căn, khử mẫu của biểu thức lấy căn, trục căn thức ở mẫu.</p>		
9	17	Ôn tập giữa kì	Thực hiện được các phép tính về căn bậc hai: khai phương một tích, và nhân các căn bậc hai, khai phương một thương và chia các căn bậc hai, đưa thừa số vào trong (ra ngoài) dấu căn, khử mẫu của biểu thức lấy căn, trục căn thức ở mẫu.	Máy chiếu, phiếu học tập Máy tính Thước	Phòng học
	18	Ôn tập giữa kì (tt)			
Chương II. HÀM SỐ BẬC NHẤT(14 tiết)					
10	19	Kiểm tra giữa kì 1	<p>- Biết khử mẫu của biểu thức lấy căn trong trường hợp đơn giản. Biết rút gọn biểu thức chứa căn bậc hai trong trường hợp đơn giản.</p> <p>Thực hiện được các phép tính về căn bậc hai: khai phương một tích, và nhân các căn bậc hai, khai phương một thương và chia các căn bậc hai, đưa thừa số vào trong (ra ngoài) dấu căn, khử mẫu của biểu thức lấy căn, trục căn thức ở mẫu.</p>	Đề kiểm tra photo	Phòng KT

	20	§1. Nhắc lại và bổ sung các khái niệm về hàm số	HS được ôn lại và phải nắm vững các khái niệm về hàm số, biến số, cách cho một hàm số, đồ thị hàm số, giá trị của hàm số, tính chất biến thiên của hàm số.	Bảng phụ, máy tính. Thước	Phòng học
11	21	Chủ đề: Hàm số bậc nhất (Ghép §2, §3 & Luyện tập (theo CV 3280))	<p>Nắm được khái niệm hàm số bậc nhất $y=ax+b$ ($a \neq 0$), TXĐ, đồng biến khi $a > 0$, nghịch biến khi $a < 0$.</p> <p>- Rèn luyện tính cẩn thận, tính chính xác khoa học</p> <p>- Năng lực tính toán, năng lực hợp tác nhóm, năng lực sử dụng các kí hiệu toán học và máy tính cầm tay</p> <p>Tìm điều kiện để hàm số là hàm số bậc nhất, hàm số đồng biến, nghịch biến trên R</p> <p>- Tiếp tục rèn kỹ năng nhận dạng hàm số bậc nhất, kỹ năng áp dụng tính chất để xét xem hàm số đồng biến, nghịch biến trên R, biểu diễn điểm trên mặt phẳng tọa độ.</p>	Máy chiếu, phiếu học tập, thước thẳng, máy tính bỏ túi	Phòng học
	22				
12	23	Chủ đề: Hàm số bậc nhất (tt)	<p>- HS nắm vững điều kiện hai đường thẳng $y = ax + b$ ($a \neq 0$) và $y = a'x + b'$ ($a' \neq 0$) cắt nhau, song song với nhau, trùng nhau.</p> <p>- HS biết chỉ ra cặp đường thẳng song song, cắt nhau. HS biết vận dụng lý thuyết vào việc tìm các giá trị của tham số trong các hàm số bậc nhất sao cho đồ thị chúng là hai đường thẳng cắt nhau, song song, trùng nhau.</p>	Bảng phụ, thước thẳng có chia khoảng, phấn màu.	Phòng học
	24				
13	25	§4. Đường thẳng song song và đường thẳng cắt nhau	<p>HS biết chỉ ra cặp đường thẳng song song, cắt nhau, chỉ ra các hệ số a, b, a', b'. HS biết vận dụng lý thuyết vào việc tìm các giá trị của tham số trong các hàm số bậc nhất sao cho đồ thị chúng là hai đường thẳng cắt nhau, song song, trùng nhau.</p>	Bảng phụ, thước thẳng có chia khoảng, phấn màu.	Phòng học
	26	Luyện tập			
14	27	§5. Hệ số góc của đường thẳng $y = ax + b$ ($a \neq 0$)	<p>- HS được nắm vững khái niệm góc tạo bởi hai đường thẳng $y = ax + b$ ($a \neq 0$) và trục Ox, khái niệm hệ số góc của đường thẳng $y = ax + b$ hiểu được mối liên quan mật thiết</p> <p>- HS biết tính góc anpha hợp bởi đường thẳng $y = ax + b$ và trục Ox trong trường hợp hệ số $a > 0$ theo công thức $a = \tan \alpha$. Trường hợp $a < 0$ có thể tính α một cách gián tiếp</p> <p>Rèn luyện kỹ năng xác định hệ số góc a, vẽ đồ thị hàm số $y = ax + b$ ($a \neq 0$), tính được góc α, tính chu vi và diện</p>	Bảng phụ, thước thẳng có chia khoảng, phấn màu.	Phòng học
	28	Luyện tập			

			tích tam giác trên mặt phẳng tọa độ.		
15	29	Ôn tập chương II	Hệ thống hóa kiến thức cơ bản của chương, giúp HS hiểu sâu hơn, nhớ lâu hơn về khái niệm hàm số, biến số, ĐTHS, khái niệm hàm số bậc nhất, tính đồng biến, nghịch biến; đường thẳng song song, cắt nhau, trùng nhau, vuông góc với nhau Giúp học sinh vẽ thành thạo đồ thị của hàm số bậc nhất, xác định được góc của đường thẳng $y = ax + b$ và trục Ox, xác định được h.số $y = ax + b$ thỏa mãn điều kiện của đề bài.	Máy chiếu, phiếu học tập, thước thẳng có chia khoảng, phấn màu.	Phòng học
	30	Ôn tập cuối HK I	Ôn tập các công thức đã học chương I và các cách biến đổi * Kỹ năng : Rèn luyện một số dạng bài tập trong chương nhất là dạng toán tổng hợp và rút gọn căn thức các kỹ năng tính giá trị biểu thức biến đổi biểu thức có chứa căn bậc hai, tìm x và các câu hỏi liên quan đến rút gọn biểu thức. kỹ năng: rèn luyện một số bài tập trong chương II về tính đồng biến tính nghịch biến của hàm số bậc nhất, điều kiện để hai đường thẳng cắt nhau, song song với nhau, trùng nhau. Luyện tập thêm việc xác định phương trình đường thẳng, vẽ đồ thị hàm số bậc nhất		
16	31	Ôn tập cuối HK I(tt)	Ôn tập các công thức đã học chương I và các cách biến đổi * Kỹ năng : Rèn luyện một số dạng bài tập trong chương nhất là dạng toán tổng hợp và rút gọn căn thức các kỹ năng tính giá trị biểu thức biến đổi biểu thức có chứa căn bậc hai, tìm x và các câu hỏi liên quan đến rút gọn biểu thức. kỹ năng: rèn luyện một số dạng bài tập trong chương II về tính đồng biến tính nghịch biến của hàm số bậc nhất, điều kiện để hai đường thẳng cắt nhau, song song với nhau, trùng nhau. Luyện tập thêm việc xác định phương trình đường thẳng, vẽ đồ thị hàm số bậc nhất	Bảng phụ, thước, phấn màu.	Phòng học
	32	Kiểm tra cuối HK I	Củng cố các kiến thức của chương I và II Rèn ý thức tự giác, tự lập cho học sinh. – * Kỹ năng: Kiểm tra được kỹ năng vận dụng các phương pháp	Đề kiểm tra photo	Phòng KT

			vào giải các BT		
17	33	§1. Phương trình bậc nhất hai ẩn	– Nhận biết được khái niệm phương trình bậc nhất hai ẩn, hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn.	Bảng thước, phụ, phần màu.	Phòng học
	34	§2. Hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn	<ul style="list-style-type: none"> – Nhận biết được khái niệm nghiệm của hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn. – Giải được hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn. – Tính được nghiệm của hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn bằng máy tính cầm tay. – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn (ví dụ: các bài toán liên quan đến cân bằng phản ứng trong Hoá học,..) 	Bảng thước, phụ, phần màu.	Phòng học
18	35	§3. Giải hệ phương trình bằng phương pháp thế.	<p>Giúp HS hiểu cách biến đổi hệ phương trình bằng phương pháp thế.</p> <p>Cần nắm vững cách giải hệ PT bậc nhất 2 ẩn bằng phương pháp thế.</p> <p>- Giải thành thạo hệ phương trình bằng phương pháp thế. Không bị lúng túng khi gặp các TH đặc biệt (hệ VN hoặc hệ có VSN).</p>	Bảng thước, phụ, phần màu.	Phòng học
	36	Luyện tập	<p>Giúp HS hiểu cách biến đổi hệ phương trình bằng phương pháp thế.</p> <p>Cần nắm vững cách giải hệ PT bậc nhất 2 ẩn bằng phương pháp thế</p>		

Hình học học kỳ I (36 tiết)

Tuần	Tiết	Tên bài	Yêu cầu cần đạt	Thiết bị dạy học	Hình thức, địa điểm
1	1 2	Một số hệ thức về cạnh và đường cao trong tam giác vuông	Nhận biết được các cặp tam giác vuông đồng dạng. -Biết thiết lập các hệ thức $b^2 = ab'$, $c^2 = ac'$, $h^2 = b'c'$, $ah = bc$ và $\frac{1}{h^2} = \frac{1}{b^2} + \frac{1}{c^2}$	Bảng phụ, êke, máy tính	Phòng học
2	3 4	Luyện tập	-Vận dụng các hệ thức trên để giải bài tập.	Bảng phụ, êke, máy tính, phiếu học tập	Phòng học
3	5 6	Tỉ số lượng giác của góc nhọn	-Nhận biết được các giá trị sin, cosin(\cos), tang (\tan), côtang(\cotan) của góc nhọn.	Bảng phụ, êke, máy tính, phiếu học tập	Phòng học
4	7	Luyện tập	– Giải thích được tỉ số lượng giác của các góc nhọn đặc biệt (góc 30°, 45°, 60°) và của hai góc phụ nhau.	Bảng phụ, êke, máy tính, phiếu học tập	Phòng học
	8	Hướng dẫn và thực hành sử dụng máy tính bỏ túi CASIO	– Tính được giá trị (đúng hoặc gần đúng) tỉ số lượng giác của góc nhọn bằng máy tính cầm tay.		
5	9, 10,	Một số hệ thức về cạnh và góc trong tam giác vuông	– Giải thích được một số hệ thức về cạnh và góc trong tam giác vuông (cạnh góc vuông bằng cạnh huyền nhân với sin góc đối hoặc nhân với cos góc kề; cạnh góc vuông bằng cạnh góc vuông kia nhân với tan góc đối hoặc nhân với cotan góc kề).	Bảng phụ, êke, máy tính.	Phòng học
6	11, 12	Luyện tập	– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với tỉ số lượng giác của góc nhọn (ví dụ: Tính độ dài đoạn thẳng, độ lớn góc và áp dụng giải tam giác vuông,...)	Bảng phụ, êke, máy tính, phiếu học tập	Phòng học
7	13 14	Ứng dụng thực tế các tỉ số lượng giác của góc nhọn. Thực hành ngoài trời	-HS biết xác định chiều cao của một vật thể mà không cần lên điểm cao nhất của nó. -Biết xác định khoảng cách giữa hai địa	Thước dây, giác kế, phiếu thực hành, êke	Sân trường

			điểm, trong đó có một điểm khó tới được. - Rèn kỹ năng đo đạc thực tế, rèn ý thức làm việc tập thể. - Rèn tính cẩn thận, chính xác và kỷ luật cao.		
8	15 16	Ôn tập chương 1	- Hệ thống hóa các hệ thức về cạnh và đường cao trong tam giác vuông. - Hệ thống hóa các công thức định nghĩa các tỉ số lượng giác của một góc nhọn và quan hệ giữa các tỉ số lượng giác của hai góc phụ nhau. - Rèn luyện kỹ năng tra bảng (hoặc sử dụng máy tính bỏ túi) để tra (hoặc tính) các tỉ số lượng giác hoặc số đo góc.	Máy chiếu, êke, máy tính, phiếu học tập	Phòng học
CHƯƠNG II: ĐƯỜNG TRÒN					
9	17	Ôn tập giữa kì 1	- Hệ thống hóa các hệ thức về cạnh và đường cao trong tam giác vuông. - Hệ thống hóa các công thức định nghĩa các tỉ số lượng giác của một góc nhọn và quan hệ giữa các tỉ số lượng giác của hai góc phụ nhau. - Rèn luyện kỹ năng tra bảng (hoặc sử dụng máy tính bỏ túi) để tra (hoặc tính) các tỉ số lượng giác hoặc số đo góc.	Máy chiếu, êke, máy tính, phiếu học tập	Phòng học
	18	Chương II: Sự xác định đường tròn	– Nhận biết được tâm đối xứng, trục đối xứng của đường tròn. – So sánh được độ dài của đường kính và dây.	Máy chiếu, êke, máy tính, phiếu học tập	Phòng học
10	19	Kiểm tra giữa kì 1		Đề kiểm tra photo.	Phòng thi
	20	Tính chất đối xứng của đường tròn		Máy chiếu, êke, máy tính, phiếu học tập	Phòng học

11	21	Đường kính và dây của đường tròn.	-HS nắm được đường kính là dây lớn nhất trong các dây của đường tròn, nắm được hai định lý về đường kính vuông góc với dây và đường kính đi qua trung điểm của 1 dây không đi qua tâm.	Máy chiếu, êke, máy tính, phiếu học tập	Phòng học
	22	Luyện tập			
12	23	Liên hệ giữa dây và khoảng cách từ tâm đến dây	-HS nắm được các định lý về liên hệ giữa dây và khoảng cách từ tâm đến dây của một đường tròn. -HS biết vận dụng các định lý trên để so sánh độ dài hai dây, so sánh các khoảng cách từ tâm đến dây. - Biết cách tìm mối liên hệ giữa dây cung và khoảng cách từ tâm đến dây, áp dụng vào giải bài tập.	Bảng phụ, compa, thước	Phòng học
	24	Luyện tập	-vận dụng so sánh được mối liên hệ giữa dây cung và khoảng cách từ tâm đến dây, áp dụng vào giải bài tập.	Bảng phụ, compa, thước	Phòng học
13	25	Vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn	<i>Về kiến thức:</i> - Hiểu được vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn, của hai đường tròn qua các hệ thức tương ứng ($d < R$, $d > R$, $d = r + R$, ...). - Hiểu điều kiện để mỗi vị trí tương ứng có thể xảy ra. - Hiểu các khái niệm tiếp tuyến của đường tròn, hai đường tròn tiếp xúc trong, tiếp xúc ngoài. Dựng được tiếp tuyến của đường tròn đi qua một điểm cho trước ở trên hoặc ở ngoài đường tròn. - Biết khái niệm đường tròn nội tiếp tam giác. <i>Về kỹ năng:</i> -Biết cách vẽ đường thẳng và đường tròn, đường tròn và đường tròn khi số điểm chung của chúng là 0, 1, 2.	Mô hình vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn, thước, compa, phấn màu	Phòng học

			- Vận dụng các tính chất đã học để giải bài tập và một số bài toán thực tế.		
	26	Dấu hiệu nhận biết tiếp tuyến của đường tròn	– Giải thích được dấu hiệu nhận biết tiếp tuyến của đường tròn và tính chất của hai tiếp tuyến cắt nhau. -Củng cố các tính chất của tiếp tuyến đường tròn, đường tròn nội tiếp tam giác.	Máy chiếu, compa, thước, phấn màu	Phòng học
14	27	Luyện tập	-Rèn luyện kĩ năng vẽ hình, vận dụng các tính chất của tiếp tuyến vào các bài tập về tính toán và chứng minh	Bảng phụ, compa, thước, phấn màu	Phòng học
	28	Tính chất của hai tiếp tuyến cắt nhau	HS nắm được các tính chất của hai tiếp tuyến cắt nhau; nắm được thế nào là đường tròn nội tiếp tam giác, tam giác ngoại tiếp đường tròn; hiểu được đường tròn bàng tiếp tam giác.	Bảng phụ, compa, thước	Phòng học
15	29	Luyện tập	Vận dụng chứng minh được 2 đoạn thẳng bằng nhau , góc bằng nhau thông qua tính chất 2 tt cắt nhau.	Bảng phụ, compa, thước	Phòng học
	30	Ôn tập học kỳ I	HS nắm vững định nghĩa các tỉ số lượng giác của một góc nhọn và một số tính chất của các tỉ số lượng giác. Ôn tập cho HS các hệ thức lượng trong tam giác vuông. Ôn tập hệ thống hoá các kiến thức đã học về đường tròn ở chương II.	Bảng phụ, compa, thước	Phòng học
16	31	Ôn tập học kỳ I(tt)	-Rèn luyện kĩ năng vẽ hình phân tích bài toán, trình bày bài toán và kĩ năng tính đoạn thẳng, góc trong tam giác	Bảng phụ, compa, thước	Phòng học
	32	Kiểm tra cuối HK I	HS nắm được kết quả chung của cả lớp về phần trăm điểm giỏi, khá, trung bình, chưa đạt và kết quả của từng cá nhân. - Nắm được những ưu, khuyết điểm qua bài kiểm tra, rút kinh nghiệm cho bài kiểm tra sau. - Qua bài kiểm tra HS được củng cố lại các kiến thức đã làm.	Đề kiểm tra photo	Phòng KT

			- Rèn luyện cách trình bày lời giải các bài tập.		
17	33	Chủ đề: Vị trí tương đối của hai đường tròn(Ghép §7, § 8 và Luyện tập)	– Mô tả được ba vị trí tương đối của hai đường tròn (hai đường tròn cắt nhau, hai đường tròn tiếp xúc nhau, hai đường tròn không giao nhau)	Bảng phụ, compa, thước	Phòng học
	34	Chủ đề: Vị trí tương đối của hai đường tròn(tt)		Bảng phụ, compa, thước	Phòng học
18	35	Chủ đề: Vị trí tương đối của hai đường tròn(tt)+ Luyện tập	Giải các bài tập về vị trí tương đối 2 đường tròn	Bảng phụ, compa, thước	Phòng học
	36	Ôn tập chương II	-HS được ôn tập các kiến thức đã học về tính chất đối xứng của đường tròn, liên hệ giữa dây và khoảng cách từ tâm đến dây, về vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn, của 2 đường tròn. - Vận dụng các kiến thức đã học vào các bài tập tính toán và chứng minh.	Bảng phụ, compa, thước	Phòng học

Đại số học kỳ II (34 tiết)

Tuần	Tiết	Tên bài	Yêu cầu cần đạt	Thiết bị dạy học	Hình thức, địa điểm
19	37	§4. Giải hệ phương trình bằng phương pháp cộng đại số.	Giúp HS hiểu cách biến đổi hệ phương trình bằng quy tắc cộng đại số. Cần nắm vững cách giải hệ 2 phương trình bậc nhất 2 ẩn bằng phương pháp cộng đại số. -Giải hệ 2 phương trình bậc nhất 2 ẩn bắt đầu nâng cao dần lên.	Bảng phụ, thước, máy chiếu, bài pp	Phòng học
	38	Luyện tập	Rèn kỹ năng giải hệ phương trình bằng các phương pháp một cách thành thạo và lý năng tính toán	Bảng phụ, thước, máy chiếu, bài pp	Phòng học
20	39	Thực hành: giải hệ phương trình bằng máy tính	-Học sinh biết giải hpt bằng máy tính casio. -Thực hiện thành thạo các thao tác bấm máy.	Bảng phụ, thước, máy chiếu, bài pp	Phòng học

		CASIO			
	40	Chủ đề: Giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình (ghép §5, 6 và Luyện tập)	<p>-HS nắm được phương pháp giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình bậc nhất hai ẩn.</p> <p>-Bước đầu có kỹ năng giải các bài toán: toán về phép viết số, quan hệ số, toán chuyển động.</p> <p>-Tiếp tục củng cố các kiến thức về giải toán bằng cách lập hệ phương trình, tập trung vào dạng phép viết số, quan hệ số, chuyển động.</p> <p>-HS biết cách phân tích các đại lượng trong bài bằng cách thích hợp, lập được các hệ phương trình và biết cách trình bày bài toán.</p>	Bảng phụ, thước, máy chiếu, bài pp	Phòng học
21	41, 42	Chủ đề: Giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình(tt)			
22	43	Ôn tập chương III			
Chương IV. HÀM SỐ $y = ax^2$ ($a \neq 0$). PHƯƠNG TRÌNH BẬC HAI MỘT ẨN(27 tiết)					
22	44	Chủ đề: Hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$) (ghép §1,2 và Luyện tập)	<p>– Thiết lập được bảng giá trị của hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$).</p> <p>– Vẽ được đồ thị của hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$).</p> <p>– Nhận biết được tính đối xứng (trục) và trục đối xứng của đồ thị hàm số $y=ax^2$ ($a\neq 0$).</p> <p>– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$) và đồ thị (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí,...)</p>	Bảng phụ, thước, máy chiếu, bài pp	Phòng học
23	45 46	Chủ đề: Hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$)			
24	47	§3. Phương trình bậc hai một ẩn			
			<p>– Nhận biết được khái niệm phương trình bậc hai một ẩn.</p> <p>Giải được phương trình bậc hai một ẩn.</p>	Bảng phụ, thước, máy chiếu	Phòng học

			<ul style="list-style-type: none"> Tính được nghiệm phương trình bậc hai một ẩn bằng máy tính cầm tay. Giải thích được định lí Vi-ét và ứng dụng (ví dụ: tính nhẩm nghiệm của phương trình bậc hai, tìm hai số biết tổng và tích của chúng,...). Vận dụng được phương trình bậc hai vào giải quyết bài toán thực tiễn 	chiếu, bài pp	
	48	Chủ đề: Công thức nghiệm của phương trình bậc hai (ghép §4, 5 và Luyện tập)	<ul style="list-style-type: none"> HS nhớ biệt thức $\Delta = b^2 - 4ac$ và nhớ kĩ các điều kiện của Δ để phương trình bậc hai một ẩn vô nghiệm, có nghiệm kép, có 2 nghiệm phân biệt. HS nhớ và vận dụng được công thức nghiệm tổng quát của phương trình bậc hai vào giải phương trình 	Bảng phụ, thước, máy chiếu, bài pp	Phòng học
25	49	Chủ đề: Công thức nghiệm của phương trình bậc hai (tt)	<ul style="list-style-type: none"> HS biết tìm b' và biết tính Δ', x_1, x_2 theo công thức nghiệm thu gọn. Vận dụng được vào việc giải phương trình bậc hai thành thạo 		
	50	Ôn tập giữa HK II	<ul style="list-style-type: none"> HS thấy lợi ích của công thức nghiệm thu gọn. HS nhớ và vận dụng tốt công thức nghiệm thu gọn. 		
26	51	Ôn tập giữa HK II(tt)	<ul style="list-style-type: none"> HS nhớ kĩ công thức nghiệm của phương trình bậc hai $ax^2 + bx + c = 0 (a \neq 0)$. Vận dụng được vào việc giải phương trình bậc hai thành thạo 	Bảng phụ, thước, máy chiếu, bài pp	Phòng học
	52	Kiểm tra giữa kì II	<ul style="list-style-type: none"> Kiểm tra đánh giá nội dung kiến thức trong chương Kĩ năng tư duy logic và trình bày bài giải 	Đề thi	Phòng thi
27	53, 54	Chủ đề: Công thức nghiệm của phương trình bậc hai (ghép §4, 5) (tt)		Bảng phụ, thước, máy chiếu, bài pp	Phòng học
28	55, 56	§6. Hệ thức Vi-ét và ứng dụng.	<ul style="list-style-type: none"> Nắm vững hệ thức Vi-ét. Vận dụng được những ứng dụng của hệ thức Vi-ét trong việc nhẩm nghiệm của phương trình bậc hai trong các 	Bảng phụ, thước, máy chiếu, bài pp	Phòng học

			<p>trường hợp $a + b + c = 0$, $a - b + c = 0$ hoặc các trường hợp mà tổng và tích của hai nghiệm là những số nguyên với giá trị tuyệt đối không quá lớn.</p> <p>* Tìm được hai số biết tổng và tích của chúng.</p> <p>* Biết cách biểu diễn tổng các bình phương, các lập phương của hai nghiệm của phương trình bậc 2 qua các hệ số của phương trình.</p>		
29	57	Luyện tập	<p>-Củng cố hệ thức Vi-ét.</p> <p>-Rèn luyện kỹ năng vận dụng hệ thức Vi-ét để:</p> <p>Tính tổng, tích các nghiệm của phương trình, nhằm nghiệm của phương trình trong 2 trường hợp đặc biệt có $a + b + c = 0$ và $a - b + c = 0$ hoặc qua tổng và tích của 2 nghiệm</p>	Bảng phụ, thước, máy chiếu, bài pp	Phòng học
	58	§7. Phương trình quy về phương trình bậc hai.	-HS biết cách giải một số dạng phương trình quy được về phương trình bậc hai như phương trình trùng phương, phương trình có chứa ẩn ở mẫu, một vài dạng phương trình bậc cao có thể đưa về phương trình tích hoặc giải được nhờ ẩn phụ.	Bảng phụ, thước, máy chiếu, bài pp	Phòng học
30	5	§7. Phương trình quy về phương trình bậc hai(tt)	<p>-HS được rèn luyện kỹ năng phân tích đa thức thành nhân tử để giải p/trình tích.</p>	Bảng phụ, thước, máy chiếu, bài pp	Phòng học
	60	Luyện tập	-Rèn luyện kỹ năng giải một số phương trình quy về phương trình bậc hai như phương trình trùng phương, phương trình chứa ẩn ở mẫu, một số phương trình bậc cao đưa về dạng phương trình tích.	Bảng phụ, thước, máy chiếu, bài pp	Phòng học
31	61	§8. Giải bài toán bằng cách lập phương trình.	<p>HS nắm vững các bước giải một bài toán bằng cách lập p/trình</p> <p>- HS biết chọn ẩn, đặt điều kiện cho ẩn.</p> <p>- Biết phân tích mối quan hệ giữa các đại lượng để lập phương trình bài toán.</p> <p>- Biết trình bày cách giải một bài toán bằng cách lập phương trình.</p>	Bảng phụ, thước, máy chiếu, bài pp	Phòng học

			-Rèn kĩ năng trình bày lời bài toán bằng cách lập phương trình		
32	62	Luyện tập	Củng cố các bước giải bài toán bằng cách lập phương trình qua bước phân tích đề bài, tìm ra mối liên hệ giữa các dữ kiện trong bài toán để lập phương trình. -Biết trình bày lời giải của một bài toán bậc hai	Bảng phụ, thước, máy chiếu, bài pp	Phòng học
	63	Luyện tập(tt)			
	64	Ôn tập chương IV	-Ôn tập một cách có hệ thống kiến thức của chương: + Tính chất và dạng đồ thị hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$). + Các công thức nghiệm của phương trình bậc hai. + Hệ thức Vi-ét và vận dụng để tính nhẩm nghiệm của phương trình bậc hai. Tìm 2 số biết tổng và tích của nó. -Rèn luyện kỹ năng giải phương trình bậc hai, trùng phương, phương trình chứa ẩn ở mẫu.	Bảng phụ, thước, máy chiếu, bài pp	Phòng học
33	65	Ôn tập chương IV(tt)			
	66	Ôn tập HK II	-HS được ôn tập các kiến thức về căn bậc hai.	Bảng phụ, thước, máy chiếu, bài pp	Phòng học
34	67	Ôn tập HK II (tt)	-Hs được rèn luyện kỹ năng về rút gọn, biến đổi căn thức, tính giá trị biểu thức và một vài dạng câu hỏi nâng cao trên cơ sở rút gọn biểu thức chứa căn.		
	68	Ôn tập cuối năm	-Rèn cách hệ thống hóa kiến thức HS được rèn luyện thêm kỹ năng giải phương trình, giải hệ phương trình, áp dụng hệ thức Viét vào việc giải bài tập., rèn luyện cho HS khả năng phân loại bài toán, phân tích các đại lượng của bài toán, trình bày bài giải.		
	69,	Kiểm tra cuối kì II	Vận dụng các kiến thức đã học vào việc giải bài tập trắc nghiệm và tự luận -Tăng cường kỹ năng lập luận lô gic và khả năng tính toán.	Đề thi	Phòng Thi
	70	Trả bài kiểm tra kỳ II			

Hình học học kỳ II (34 tiết)

Tuần	Tiết	Tên bài	Yêu cầu cần đạt	Thiết bị dạy học	Hình thức, địa điểm
19	37	Góc ở tâm. Số đo cung	<ul style="list-style-type: none"> Nhận biết được góc ở tâm, góc nội tiếp. Giải thích được mối liên hệ giữa số đo của cung với số đo góc ở tâm, số đo góc nội tiếp. Giải thích được mối liên hệ giữa số đo góc nội tiếp và số đo góc ở tâm cùng chắn một cung. 	Bảng phụ, compa, thước đo góc.	Phòng học
	38	Luyện tập	<ul style="list-style-type: none"> Củng cố cho học sinh về góc ở tâm, số đo của góc ở tâm và cung bị chắn, mối liên hệ giữa các điểm nằm trên cung Thông qua hệ thống bài tập giúp học sinh nắm vững các vấn đề nói trên bằng thực hành Rèn luyện kỹ năng chứng minh và phân tích 	Bảng phụ, compa, thước đo góc, thẳng	Phòng học
20	39	Liên hệ giữa cung và dây	<ul style="list-style-type: none"> Biết sử dụng các cụm từ “Cung căng dây” và “Dây căng cung” Hiểu được vì sao các định lý 1, 2 chỉ phát biểu đối với các cung nhỏ trong một đường tròn hay trong hai đường tròn bằng nhau. Rèn kỹ năng vận dụng kiến thức vào giải bài tập 	Bảng phụ, compa, thước, máy chiếu.	Phòng học
	40	Góc nội tiếp	<ul style="list-style-type: none"> HS nhận biết được góc nội tiếp, phát biểu được định nghĩa về góc nội tiếp Phát biểu và chứng minh được định lý về số đo của góc nội tiếp Nhận biết (bằng cách vẽ hình) và chứng minh được các hệ quả của định lý trên. 	Bảng phụ, compa, thước, máy chiếu, bài pp	Phòng học
21	41	Luyện tập	Rèn kỹ năng vận dụng các định lý, hệ quả về góc nội tiếp trong chứng minh bài toán liên quan tới đường tròn.	Bảng phụ, compa, thước	Phòng học
	42	Góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây	Nhận biết được góc tạo bởi tia tiếp tuyến	Bảng phụ,	Phòng học

		cung	<p>và dây cung .</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát biểu và chứng minh được định lý về số đo của góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung - Phát biểu được định lý đảo và chứng minh được định lý đảo . - Rèn kỹ năng vẽ hình, suy luận, vận dụng kiến thức vào bài tập. 	compa, thước, máy chiếu, bài pp	
22	43	Luyện tập	Rèn luyện kỹ năng nhận biết góc giữa tia tiếp tuyến và dây cung, kỹ năng áp dụng các định lý, hệ quả của góc giữa tia tiếp tuyến và một dây vào giải bài tập, kỹ năng vẽ hình, trình bày lời giải bài tập.	Bảng phụ, compa, thước	Phòng học
	44	Góc có đỉnh ở bên trong đường tròn- Góc có đỉnh ở bên ngoài đường tròn	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được góc có đỉnh bên trong hay bên ngoài đường tròn - Phát biểu và chứng minh được định lý về số đo góc của góc có đỉnh ở bên trong hay bên ngoài đường tròn . - Chứng minh đúng, chặt chẽ. Trình bày chứng minh rõ ràng 	Bảng phụ, compa, thước, máy chiếu, bài pp	Phòng học
23	45	Luyện tập	<ul style="list-style-type: none"> - Rèn kỹ năng nhận biết góc có đỉnh ở bên trong , bên ngoài đường tròn - áp dụng các định lý về số đo của góc có đỉnh ở bên trong, bên ngoài đường tròn vào giải một số bài tập 	Bảng phụ, compa, thước	Phòng học
	46	Cung chứa góc	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh hiểu cách chứng minh bài toán tập hợp điểm, cung chứa góc 90°. - Biết sử dụng thuật ngữ cung chứa góc dựng trên một đoạn thẳng. - Biết vẽ cung chứa góc α dựng trên một đoạn thẳng cho trước 	Bảng phụ, compa, thước, máy chiếu, bài pp	Phòng học
24	47	Luyện tập	- Học sinh hiểu quỹ tích cung chứa góc, biết vận dụng cấp mệnh đề thuận , đảo của quỹ tích này để giải bài toán, HS được củng cố	Bảng phụ, compa, thước	Phòng học

			cách giải bài toán dựng hình		
	48	Tứ giác nội tiếp	-HS nắm vững đ/ nghĩa tứ giác nội tiếp, tính chất về góc của tứ giác nội tiếp. Biết được có những tứ giác nội tiếp được và có những tứ giác không nội tiếp được bất kì đường tròn nào. Nắm được điều kiện để một tứ giác nội tiếp được.	Bảng phụ, compa, thước, máy chiếu, bài pp	Phòng học
25	49	Luyện tập	Kiến thức: Củng cố định nghĩa, tính chất và cách chứng minh tứ giác nội tiếp. -Rèn luyện kỹ năng vẽ hình, chứng minh	Bảng phụ, compa, thước	Phòng học
	50	Ôn tập giữa kỳ II	- Học sinh hiểu cách chứng minh bài toán tập hợp điểm, cung chứa góc 90^0 .	Bảng phụ, compa, thước, máy chiếu, bài pp	Phòng học
26	51	Ôn tập giữa kỳ II	- Biết sử dụng thuật ngữ cung chứa góc dựng trên một đoạn thẳng. - Biết vẽ cung chứa góc α dựng trên một đoạn thẳng cho trước		
	52	Kiểm tra giữa kì II	-Nắm được phương pháp làm bài tập trắc nghiệm -Vận dụng các kiến thức đã học áp dụng giải đề thi đạt hiệu quả cao.	Đề kiểm tra photo	Phòng thi
27	53	Đường tròn ngoại tiếp, đường tròn nội tiếp	-HS hiểu được định nghĩa , khái niệm, tính chất của 1 đường tròn ngoại tiếp, đường tròn nội tiếp đa giác. Biết bất kì một đa giác đều nào cũng có 1 đ/tròn ng tiếp và đ/tròn n tiếp. -Biết vẽ tâm của đa giác đều, từ đó vẽ được đường tròn ngoại tiếp và đường tròn nội tiếp của 1 đa giác đều cho trước. Tính được cạnh a theo R và ngược lại của tam giác đều, hình vuông, lục giác đều.	Bảng phụ, compa, thước, máy chiếu, bài pp	Phòng học
	54	Độ dài đường tròn, cung tròn	- HS nắm vững công thức tính độ dài đường tròn $c = 2\pi R$ (hoặc $c = \pi d$). - Biết cách tính độ dài cung tròn.	Bảng phụ, compa, thước, máy chiếu, bài pp	Phòng học

			-Biết vận dụng công thức để tính các đại lượng chưa biết trong công thức và giải một vài bài toán thực tế.		
28	55	Luyện tập	-Củng cố kiến thức về độ dài đường tròn, cung tròn. - Rèn luyện cho HS kỹ năng áp dụng công thức tính độ dài đường tròn, độ dài cung tròn và các công thức suy luận của nó. Nhận xét và rút ra được cách vẽ một số đường cong gấp nối. Biết cách tính độ dài các đường cong đó.	Bảng phụ, compa, thước	Phòng học
	56	Diện tích hình tròn, hình quạt tròn	HS nhớ công thức tính diện tích hình tròn bán kính R là $S = \pi R^2$. -Biết cách tính diện tích hình quạt tròn. -Có kỹ năng vận dụng công thức đã học vào giải toán	Bảng phụ, compa, thước, máy chiếu, bài pp	Phòng học
29	57	Luyện tập	-HS được củng cố kỹ năng vẽ hình các đường cong gấp nối và kỹ năng vận dụng công thức tính diện tích hình tròn, diện tích hình quạt tròn vào giải toán. -HS được giới thiệu hình viên phân và cách tính diện tích hình đó.	Bảng phụ, compa, thước, máy chiếu, bài pp	Phòng học
	58	Ôn tập chương III			
30	59, 60	Hình trụ - Diện tích xung quanh và thể tích của hình trụ(ghép §1 và Luyện tập)	-HS nhớ được và khắc sâu các khái niệm về hình trụ. -Nắm chắc và biết sử dụng công thức tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần và thể tích hình trụ.	Bảng phụ, compa, thước, máy chiếu, bài pp, mô hình hình trụ.	Phòng học
31	61 62	Hình nón - Hình nón cụt - Diện tích xung quanh và thể tích của hình nón, hình nón cụt.(ghép §2 và Luyện tập)	-HS được giới thiệu thế nào là hình nón, các khái niệm về hình nón: đáy, mặt xung quanh, đường sinh, đường cao, mặt cắt song song với đáy của hình nón. Khái niệm hình nón cụt.	Bảng phụ, compa, thước, máy chiếu, bài pp, mô hình hình nón.	Phòng học

			-Biết công thức tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần của hình nón và hình nón cụt		
32	63	Hình cầu - Diện tích mặt cầu và thể tích hình cầu	-HS nắm vững các khái niệm của hình cầu: tâm, bán kính, đường kính, đường tròn lớn, mặt cầu. - Hiểu được mặt cắt của hình cầu bởi một mặt phẳng là một hình tròn.	Bảng phụ, compa, thước, mô hình hình cầu.	Phòng học
	64	Luyện tập	-Thông qua bài tập, hiểu kĩ hơn các khái niệm hình trụ. - Rèn luyện kỹ năng phân tích đề bài, áp dụng công thức tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần, thể tích hình trụ.	Bảng phụ, compa, thước	Phòng học
33	65, 66	Ôn tập chương IV	-Hệ thống hóa các khái niệm về hình trụ, hình nón, hình cầu. -Hệ thống hóa các công thức tính chu vi, diện tích, thể tích. -Rèn luyện kỹ năng áp dụng các công thức trên vào giải toán	Bảng phụ, compa, thước, máy chiếu, bài pp	Phòng học
34	67 68	Ôn tập HK II	-Ôn tập chủ yếu các kiến thức của chương I về hệ thức lượng trong tam giác vuông và tỉ số lượng giác của góc nhọn., kiến thức cơ bản về Đường tròn và Góc . -Rèn luyện cho HS kĩ năng giải bài tập dạng trắc nghiệm và tự luận. -Rèn luyện cho HS kĩ năng phân tích, trình bày bài toán.Vận dụng kiến thức đại số vào hình học.	Bảng phụ, compa, thước, máy chiếu, bài pp	Phòng học
35	69	Ôn tập cuối năm			
	70	Kiểm tra cuối kì 2			
				Đề kiểm tra ph. to	Phòng thi

II. Nhiệm vụ khác (nếu có): (Bồi dưỡng học sinh giỏi 9)

STT	Chuyên đề	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Địa điểm
1	Chuyên đề số chính phương, số nguyên tố	6	Nắm được định nghĩa, tính chất về số chính phương, số nguyên tố và làm một số dạng bài tập về số chính phương, số nguyên tố	Phòng học
2	Biến đổi căn thức	6	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng hằng đẳng thức, phân tích đa thức thành nhân tử, các phép biến đổi biểu thức chứa căn thức bậc hai để rút gọn biểu thức chứa căn thức. - Rút gọn biểu thức chứa căn thức và các bài toán liên quan đến căn thức: Tính GTBT, chứng minh đẳng thức 	Phòng học
3	Phương trình nghiệm nguyên	6	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được một số phương pháp giải phương trình nghiệm nguyên. Biết và giải được một số dạng toán về phương trình nghiệm nguyên - Rèn luyện kỹ năng và giải được một số dạng toán về phương trình nghiệm nguyên. - Hợp tác, cẩn thận, yêu thích môn học. - Tư duy, suy luận, tính toán, chứng minh, tổng hợp, ... 	Phòng học
4	Bất đẳng thức	6	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu một số phương pháp chứng minh bất đẳng thức. - Bất đẳng thức Cô-si và ứng dụng 	Phòng học
5	Cực trị	6	<ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các kiến thức tìm GTLN, GTNN của biểu thức - Vận dụng bất đẳng thức Cô-si tìm cực trị 	Phòng học
6	Phương trình vô tỉ	12	<ul style="list-style-type: none"> - Các dạng phương trình cơ bản. - Các phương pháp giải phương trình vô tỉ. - Các phương pháp giải phương trình vô tỉ. - Bài tập tổng hợp. 	Phòng học
7	Hệ thức lượng trong tam giác	6	<ul style="list-style-type: none"> - Một số hệ thức về cạnh và đường cao trong tam giác vuông. - Các dạng bài tập: Tính độ dài đoạn thẳng; chứng minh hệ thức - Tỉ số lượng giác của góc nhọn - Hệ thức về cạnh và góc trong tam giác vuông. 	Phòng học
8	Hệ phương trình	6	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được các phương pháp giải hệ phương trình - Rèn kỹ năng phân tích, chứng minh, tìm nghiệm của hệ phương trình - Vận dụng để giải một số đề thi,... 	Phòng học
			- Hiểu được các phương pháp làm của các dạng toán: Chứng minh, tính toán, tìm cực	

9	Hình học	12	trị, quỹ tích, ... - Rèn luyện kỹ năng phân tích, suy luận để chứng minh, tìm cực trị, tìm quỹ tích,... của các bài toán hình học.	Phòng học
10	Luyện đề	12	- HS làm đề tổng hợp các kiến thức từ các chuyên đề đã học.	Phòng học
11	Kiểm tra tổng kết, dặn dò.	3	- Kiểm tra, chữa các lỗi sai HS thường hay mắc phải.	Phòng học

Duyệt BGH
P. Hiệu Trưởng

Tam Xuân I, ngày 5 tháng 9 năm 2023
Tổ trưởng chuyên môn:

Nguyễn thế Hoàng

Ngô Công Tê

